

Bản án số: 06/2022/DS-PT

Ngày 02 tháng 3 năm 2022

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt T

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn T

Ông Nguyễn Kim Ái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P:* Bà Lê Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLPT-DS ngày 30/11/2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXX-PT ngày 23/12/2021 giữa các đương sự:

[1] Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O - Sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

[2] Bị đơn: Bà Trần Thị T - sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Người được bà T ủy Q: Anh Trần Thạch L - sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bà T: Ông Chu Văn Q – Công ty luật hợp danh Hùng Vương P; địa chỉ: 164, đường Minh Lang, phường T, V, P.

[3] Người có Q lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu 14, xã Tiên Phú, huyện P, tỉnh P.

2. Bà Nguyễn Thị C - Sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu 6, xã Tiên Du, huyện P, tỉnh P.

Người được bà C ủy Q: Bà Nguyễn Thị O - Sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

3. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Người giám hộ cho ông T: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 14, xã Tiên Phú, huyện P, tỉnh P (Theo quyết định số 01/2020/QĐST- VDS ngày 06/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L về việc tuyên bố một người khó khăn trong nhận thức, làm chủ Hành vi).

4. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 1, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Người được bà H, bà Y ủy Q: Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 14, xã Tiên Phú, huyện P, tỉnh P

5. Cháu Nguyễn Thị H - sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

6. Cháu Nguyễn Thị H - sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 2, xã KH Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh P.

7. Cháu Nguyễn Quyết H - sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Người được cháu H, cháu H, cháu H ủy Q: Anh Trần Thạch L - sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P

Người kháng cáo: Anh Trần Thạch L đại diện theo ủy Q của bị đơn là bà Trần Thị T.

(Anh L, ông Q, bà O, bà H, ông T, chị L có mặt, các đương sự khác không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân (TAND) huyện L, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị O đồng thời là đại diện theo ủy Q của người có Q lợi, nghĩa vụ L quan là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bố tôi là Nguyễn Văn C, chết năm 1967. Mẹ tôi là Lê Thị B, chết năm 2020. Bố, mẹ tôi sinh được 6 anh, chị em chúng tôi gồm:

1. Bà Nguyễn Thị O - Sinh năm 1956
2. Bà Nguyễn Thị Y- Sinh năm 1954
3. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1960
4. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1964 (đã chết năm 2019)
5. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1967
6. Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1957

Ngoài ra bố, mẹ tôi không còn con riêng nào khác. Ông, bà cụ sinh ra cụ Lê Thị B và cụ Nguyễn Văn C đều đã chết.

Trước khi chết mẹ tôi để lại cho 6 anh chị em chúng tôi di sản thừa kế là một phần thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích 484m², trong đó có 200m² đất ở và 284m² đất vườn tại Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P và 01 ngôi nH cấp 4 trên đất, công trình phụ, không để lại di chúc.

Thửa đất trên có nguồn gốc sử dụng như sau: Năm 1975, mẹ tôi cùng với anh, chị em chúng tôi về ở trên thửa đất trên được nH nước giao cho, sau đó lần lượt các anh, chị em chúng tôi lập gia đình và ra ở riêng. Trên thửa đất chỉ còn vợ chồng ông T cùng các con ông T ở một phần, còn một phần là mẹ tôi và em trai tôi là ông T (ông T là người hạn chế về nhận thức) ở. Năm 2002, mẹ tôi được chính Q địa phương kết hợp cùng anh, chị em trong gia đình xây cho 01 ngôi nH Đại đoàn kết. Năm 2020, mẹ tôi chết, sau khi chết chúng tôi mới biết thửa đất của mẹ tôi để lại ông T kê khai và được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất năm 1997. Nay bà T là vợ ông T cho rằng thửa đất trên là đất thuộc Q sử dụng riêng của ông T mà không cho ông T ở trên ngôi nH Đại đoàn kết của mẹ tôi để lại. Nay để đảm bảo Q lợi cho chúng tôi, tôi làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết, chia di sản thừa kế do mẹ tôi để lại là một phần diện tích thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích 484m², trong đó có 200m² đất ở và 284m² đất vườn tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P và ngôi nH cấp 4, công trình phụ trên đất cộng với phần diện tích đất của mẹ tôi được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn T (ông là con cụ B và ông T chết trước cụ B). Tôi đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Tôi, bà C, bà H, bà Y, ông T đề nghị Tòa án chia cho phần đất trên đất có ngôi nH cấp 4, công trình phụ do mẹ tôi để lại và để cho ông T tiếp tục ở và chúng tôi xin cùng đứng chung tên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Thửa đất trên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất diện tích đất là 484m², tuy nhiên kết quả đo vẽ thực tế hiện tại sử dụng là 469m², tôi đồng ý chia diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là 469m².

Tôi xin rút yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận Q sử dụng đất số E 0069869 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Phần trình bày của đại diện theo ủy Q của bị đơn là anh Trần Thạch L và anh L đồng thời đại diện theo ủy Q của những người có Q lợi, nghĩa vụ L quan cháu H, cháu H, cháu H:

Năm 1987 chị tôi là Trần Thị T kết hôn với ông Nguyễn Văn T và về ở chung cùng với cụ B là mẹ ông T. Ông T là anh trai ông T lập ra đình ra ở riêng nH không hiểu tại sao năm 1990 lại quay về ở cùng với cụ B và vợ chồng ông T. Năm 1997, ông T được cấp giấy chứng

nhận Q sử dụng thửa đất trên. Năm 2002 ông T đứng ra quyên góp cùng chính Q địa phương làm cho cụ B ngôi nH đại đoàn kết. Trong quá trình làm nH có thiếu tiền do vậy ông T đã nhượng lại phần đất sau nH cho con bà O và được số tiền bao nhiêu bà T không biết. Năm 2013 ông T, bà T làm nH. Năm 2019 ông T chết, năm 2020 cụ B chết. Theo bà T giấy chứng nhận Q sử dụng đất nH nước cấp cho ông T là cấp riêng cho ông T, cấp đúng pháp luật nên bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O chia di sản thừa kế là một phần diện tích thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích 484m², trong đó có 200m² đất ở và 284m² đất vườn tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P do cụ B để lại. Ông T, bà T sinh được 03 người con gồm:

1/ Cháu Nguyễn Thị H

TT: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P

2/ Cháu Nguyễn Thị Bích H

TT: Khu 2, xã KH Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh P

3/ Cháu Nguyễn Quyết H

TT: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P

Cháu H, cháu H, cháu H và anh L đại diện theo ủy Q của cháu H, cháu H, cháu H xác định di sản thừa kế của cụ B là ngôi nH cấp 4 là nH đại đoàn kết do Ủy ban nhân dân và Ủy ban mặt trận tổ quốc xã Thạch Sơn phối hợp với gia đình xây cho cụ B và công trình phụ. Cháu H, cháu H, cháu H đề nghị được chia phần di sản thừa kế do cụ B để lại theo pháp luật.

Phần trình bày của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Y và chị Nguyễn Thị L đại diện theo ủy Q người có Q lợi, nghĩa vụ L quan bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, đồng thời giám hộ ông Nguyễn Văn T:

Chị L, bà H, bà Y nhất trí với lời trình bày của bà O về nguồn gốc thửa đất và chị L, bà H, bà Y cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà O đề nghị Tòa án nhân dân huyện L xem xét, giải quyết chia di sản thừa kế do cụ B để lại là một phần diện tích thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11, diện tích 484m², trong đó có 200m² đất ở và 284m² đất vườn tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P và ngôi nH cấp 4, công trình phụ trên đất cộng với phần diện tích đất của cụ B được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Bà O, bà C, bà H, bà Y, chị L giám hộ cho ông T cũng nhất trí đề nghị Tòa án chia cho bà O, bà C, bà H, bà Y, ông T phần đất trên đất có ngôi nH cấp 4, công trình phụ để cho ông T tiếp tục ở và nhất trí để bà O, bà C, bà H, bà Y, ông T (chị L là người giám hộ) cùng đứng chung tên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Thửa đất trên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất diện tích đất là 484m², tuy nhiên kết quả đo vẽ thực tế hiện tại sử dụng là 469m² bà C, bà H, bà Y, ông T đồng ý chia diện tích đất theo hiện trạng sử dụng là 469m².

Nhất trí đề nghị của bà O xin rút yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận Q sử dụng đất số E 0069869 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/2021/DS-ST ngày 15/10/2021, Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng: Điều 649, điểm b khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 652, khoản 2 Điều 660 bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O

1. Chia di sản thừa kế theo pháp luật là một phần diện tích 80,4m² thửa đất số 512, tờ bản đồ 11, giấy chứng nhận Q sử dụng đất số E 0069869 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T tại Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P do cụ Lê Thị B để lại cho: Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ, và phần ông Nguyễn Văn T do cháu Nguyễn Quyết H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế thế vị mỗi phần thừa kế được chia diện tích 13,4m² trong đó có 5,71m² đất ở và 7,69m² đất vườn tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P có giá trị bằng 6.863.000 đồng và mỗi phần thừa kế được chia 333.000 đồng giá trị tài sản thừa kế là ngôi nH cấp 4, công trình phụ. Tổng giá trị một phần thừa kế là 7.196.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ thống nhất cùng góp chung phần di sản thừa kế được chia và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

2. Phần di sản chia như sau:

2.1. Chia cho Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ được sử dụng 80,4 m² trong đó có 34,28m² đất ở và 46,12m² đất vườn theo hình 4,5,6,7,8,16,15,14,4 có các cạnh: Cạnh 4,5 = 0,99m; cạnh 5,6 = 3,40m; cạnh 6,7 = 3,44m; cạnh 7,8=11,64m; cạnh 8,16 = 6,70m; cạnh 16,15=1,56m; cạnh 15,14=0,33m; cạnh 14,4=8,86m tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L và tài sản trên đất là ngôi nH cấp 4, công trình phụ (Có sơ đồ vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ có trách nhiệm đến cơ quan nH nước có thẩm Q để được hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở đảm bảo hạn mức cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Quyết H mỗi cháu được chia phần thừa kế 2.398.000 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Quyết H số tiền là 479.600 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Thị H số tiền là 479.600 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Thị H số tiền là 479.600 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người pH có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 1.033.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và tiền đo vẽ.

Cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Quyết H mỗi cháu pH có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 344.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và tiền đo vẽ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án cho đến khi thi Hành án xong, bên pH thi Hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị O đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận Q sử dụng đất số E 0069869 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 tại Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 147 BLTTDS, điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T được miễn án phí chia tài sản.

Bà Nguyễn Thị H pH chịu 359.800 đồng (Ba trăm năm mươi chín nghìn tám trăm đồng) tiền án phí chia tài sản.

Cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Quyết H mỗi cháu pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người pH thi Hành án dân sự có Q thoả thuận thi Hành án, Q yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi Hành án dân sự; Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Ngày 28/10/2021 anh L kháng cáo T bộ bản án, lý do: Thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 đã được cụ B, cụ C cho vợ chồng ông T, bà T. Năm 1996 ông T, bà T kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất từ năm 1997; Giấy chứng nhận ghi tên ông Nguyễn Văn T nên đất là của riêng ông T. Năm 2012 ông T còn chuyển nhượng cho anh Trần Công Khánh (con bà Nguyễn Thị O) 309m², số còn lại sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất là của hộ để chia thừa kế là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh L giữ nguyên kháng cáo, những căn cứ kháng cáo như đơn kháng cáo.

Bà O, bà H, chị L không đồng ý nội dung kháng cáo và cho rằng cụ B chưa bao giờ cho ông T đất, việc làm sổ đỏ là ông T tự ý làm, thửa đất này là của chung của cụ B với tất cả những người con của cụ B. Ngay sau khi ông T được cấp sổ đỏ cụ B còn ra bắt đền tại UBND xã lúc bấy giờ chứ không pH là không có ý kiến gì. Cụ B là người bán đất lấy tiền trả tiền xây ngôi nh cấp bốn chứ không pH ông T bán, ông T chỉ ra ủy ban ký các giấy tờ chuyển nhượng.

Ông Q cho rằng thửa đất 512 là của riêng ông T, năm 1997 ông T làm sổ đỏ, thủ tục có niêm yết công khai nh cụ B và mọi người không có thắc mắc gì, năm 2012 ông T bán đất cho anh Thanh con bà O mọi người đều biết nh cũng không ai có ý kiến gì, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của hộ và chia thừa kế là không đúng, di sản của cụ B chỉ là ngôi nh cấp bốn tình nghĩa. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi chia di sản của cụ B là một phần thửa đất 512.

Anh L nhất trí, không bổ sung gì thêm.

Bà O, bà H, chị L không đồng ý với quan điểm trên của ông Q, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của anh Trần Thạch L đại diện cho bà Trần Thị T là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Nội dung kháng cáo cho rằng thửa đất 512 là tài sản của ông T, không pH tài sản thừa kế. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với nội dung này theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự mà không xem xét đến việc chia thừa kế và các nội dung khác.

[2] Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo cho rằng thửa đất 512 là tài sản riêng của ông T, không pH tài sản thừa kế nên không đồng ý với việc chia thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm. Xét thấy:

Căn cứ nguồn gốc thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 tại Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P là của cụ Lê Thị B và các con của cụ B được giao sử dụng từ những năm 1975. Căn cứ đơn xin đăng ký Q sử dụng đất và các biên bản làm việc, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai của người đại diện của Ủy ban nhân dân xã Thạch Sơn, Ủy ban nhân dân huyện L xác định thửa đất trên là thửa đất kê khai cấp lần đầu, nguồn gốc đất xác định là đất ông cha, người kê khai đại diện chủ hộ là ông Nguyễn Văn T ký tên và là đất cấp cho hộ không pH cấp riêng cho ông T. Trong hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất thì không có văn bản nào xác định cụ B tặng cho ông T thửa đất này. Căn cứ thực tế tại thời điểm kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất thì cụ B (mẹ ông T), ông T (là anh trai ông T là người khó khăn về nhận thức chưa được cấp đất lần nào); ông T, bà T (vợ ông T) và 03 người con đẻ của ông T đều có

chung trong sổ hộ khẩu và cùng sinh sống trên thửa đất. Mặt khác, trên đất còn có ngôi nhà cấp bốn của cụ B và ông T là người hạn chế về nhận thức vẫn ở cùng cụ B từ những năm 1984 đến nay tại đây. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giấy chứng nhận Q sử dụng đất thửa đất số 512 là cấp chung cho hộ gia đình ông T tại thời điểm này (năm 1997) gồm 07 thành viên, chứ không phải cấp riêng cho ông T, từ đó xác định cụ B có di sản là 80,4m² đất trong 484m² (thực đo là 469m²) thửa đất 512, tờ bản đồ số 11, tại khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P; 01 ngôi nhà cấp bốn trên đất và chia di sản thừa kế của cụ B theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh L đại diện cho bà T không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên là đúng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Luận cứ của ông Q bảo vệ Q, lợi ích hợp pháp cho bà T không đúng với sự thật khách quan của vụ án nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà T do anh L đại diện phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thạch L đại diện theo ủy quyền Q của bà Trần Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P.

Áp dụng: Điều 649, điểm b khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 652, khoản 2 Điều 660 bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O.

1/ Chia di sản thừa kế theo pháp luật là một phần diện tích 80,4m² thửa đất số 512, tờ bản đồ 11, giấy chứng nhận Q sử dụng đất số E 0069869 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T tại Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P do cụ Lê Thị B để lại cho: Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ, và phần ông Nguyễn Văn T do cháu Nguyễn Quyết H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H được hưởng thừa kế thế vị mỗi phần thừa kế được chia diện tích 13,4m² trong đó có 5,71m² đất ở và 7,69m² đất vườn tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P có giá trị bằng 6.863.000 đồng và mỗi phần thừa kế được chia 333.000 đồng giá trị tài sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4, công trình phụ. Tổng giá trị một phần thừa kế là 7.196.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ thống nhất cùng góp chung phần di sản thừa kế được chia và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

2/ Phần di sản chia như sau:

2.1. Chia cho Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ được sử dụng 80,4m² trong đó có 34,28m² đất ở và 46,12m² đất vườn theo hình 4,5,6,7,8,16,15,14,4 có các cạnh: Cạnh 4,5 = 0,99m; cạnh 5,6 = 3,40m; cạnh 6,7 = 3,44m; cạnh 7,8=11,64m; cạnh 8,16 = 6,70m; cạnh 16,15=1,56m; cạnh 15,14=0,33m; cạnh 14,4= 8,86m tại: Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L và tài sản trên đất là ngôi nH cấp 4, công trình phụ (Có sơ đồ vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ có trách nhiệm đến cơ quan nH nước có thẩm Q để được hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất vườn sang đất ở đảm bảo hạn mức cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Quyết H mỗi cháu được chia phần thừa kế 2.398.000 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Quyết H số tiền là 479.600 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Thị H số tiền là 479.600 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cháu Nguyễn Thị H số tiền là 479.600 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T do chị Nguyễn Thị L giám hộ mỗi người pH có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 1.033.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và tiền đo vẽ.

Cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Quyết H mỗi cháu pH có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền 344.000 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và tiền đo vẽ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong, bên pH thi Hnh án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị O đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận Q sử dụng đất số E 0069869 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 04/7/1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 tại Khu 7, xã Thạch Sơn, huyện L, tỉnh P.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 147 BLTTDS, điểm đ, khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn T được miễn án phí chia tài sản.

Bà Nguyễn Thị H pH chịu 359.800 đồng (Ba trăm năm mươi chín nghìn tám trăm đồng) tiền án phí chia tài sản.

Cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Quyết H mỗi cháu pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp Bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người pH thi Hành án dân sự có Q thoả thuận thi Hành án, Q yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi Hành án dân sự; Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

[2] Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị T do anh Trần Thạch L đại diện pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nH được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp (anh L nộp thay bà Trần Thị T) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001971 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện L, tỉnh P.

[3] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND T.P;
- Chi cục THADS h. L;
- TAND h. L ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt T